| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 9**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 141/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 06-3-2019
V/v ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 9 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà Tăng Thị Nguyệt

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Nguyễn Chí Quý

2. Bà Phạm Thị Thanh Bình

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Nguyệt -Thư ký Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Võ Hồng Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2019 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2019//QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Bà Lê Kim T, sinh năm: 1982 (có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp P, xã A, huyện M, tỉnh S.

*2. Bị đơn:* Ông Trần Văn H, sinh năm: 1976 (có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: Phường L, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 27/12/2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Lê Kim T trình bày:

Bà và ông H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2000 nhưng đến năm 2006 bà và ông H mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Phú, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 82, ngày 14/8/2006. Việc đăng ký kết hôn trễ là do ông bà Tếu hiểu biết về pháp luật. Quá trình chung sống, cuộc sống chung của vợ chồng không có hạnh phúc, bắt đầu mâu thuẫn với nhau từ năm 2001, sau đó vợ chồng đã hàn gắn được với nhau, bà ông H tiếp tục chung sống nhưng đến năm 2018 thì vợ chồng lại thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do vợ chồng bất đồng quan

điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, ông H không có trách nhiệm với gia đình, bà không còn tình cảm với ông H. Bà và ông H đã sống ly thân từ tháng 6/2018 đến nay. Nay, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Trần Vĩ N, sinh ngày 16/6/2001 và Trần Duy A, sinh ngày 26/12/2009. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Trần Văn H trình bày: Ông và bà Lê Kim T chung sống với nhau từ năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy Ban nhân dân xã P, huyện X, tỉnh S. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Do đó, nay bà T yêu cầu ly hôn, ông H đồng ý. Ông H có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vì ông và bà T không còn tình cảm với nhau, vợ chồng không thể hàn gắn được.

Về con chung: Ông xác nhận ông và bà T có 02 người con chung tên Trần Vĩ K, sinh ngày 16/6/2001 và Trần Duy A, sinh ngày 26/12/2009. Ông đồng ý giao 02 con cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của bà T.

Về tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Lê Kim T vắng mặt;

Bị đơn ông Trần Văn H vắng mặt tại phiên tòa;

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 9:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn đúng quy định của pháp luật. Việc cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Xác định đúng người tham gia tố tụng. Quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thực hiện đúng quyền hạn theo quy định của pháp luật.

- Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định pháp luật

. Đương sự có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Viện kiểm sát nhân dân Quận 9 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Kim T được ly hôn với ông Trần Văn H; Về con chung: Giao người 02 người con chung tên Trần Vĩ K, sinh ngày 16/6/2001 và Trần Duy A, sinh ngày 26/12/2009 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông H không cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Không có; nợ chung: Không có. Án phí hôn nhân và gia đình bà T phải chịu.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ lời khai của đương sự trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn là ông Trần Văn H, sinh năm: 1976, thường trú tại Ấp P, xã A, huyện M, tỉnh S và địa chỉ nơi làm việc tại: Phường L, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận L.

- Về tố tụng: Bà Lê Kim T, ông Trần Văn H có đơn đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông H.

- Về yêu cầu của đương sự:

Bà Lê Kim T và ông Trần Văn H tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện X, tỉnh S theo Giấy chứng nhận kết hôn số 82, ngày 14/8/2006 nên quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Kim T và ông Trần Văn H là hợp pháp.

Theo lời khai của bà T, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, ông H không có trách nhiệm với gia đình, vợ chồng đã ly thân từ tháng 6 năm 2018 cho đến nay. Tại bản tự khai ghi ngày 22/01/2019, ông Trần Văn H trình bày đồng ý ly hôn với bà T vì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không hòa giải được, tình cảm vợ chồng không còn.

Hội đồng xét xử xét quá trình sống chung giữa đôi bên thực tế có xảy ra mâu thuẫn, mức độ mâu thuẫn các bên không dung hòa được mà càng kéo dài càng trầm trọng hơn, giữa vợ chồng không còn tình cảm, không còn sự thương

yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau, vợ chồng đã ly thân từ tháng 6 năm 2018. Xét, cuộc sống chung thực sự không còn, nếu tiếp tục kéo dài thì mục đích của hôn nhân cũng không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà T là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Trần Vĩ K, sinh ngày 16/6/2001 và Trần Duy A, sinh ngày 26/12/2009, bà T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Ông Trần Văn H cùng đồng ý giao 02 người con cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông H không cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy: 02 người con Trần Vĩ K và Trần Duy A hiện đang ở với mẹ và tại Tờ trình bày nguyện vọng ngày 18/02/2019 cả 02 trẻ đều có nguyện vọng muốn được ở với mẹ nên việc bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 trẻ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con vì bà có đủ khả năng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung: Bà T, ông H xác nhận không có;

Về nợ chung: Bà T, ông H xác nhận không có.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà T phải chịu án phí 300.000 đồng;

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016;

**Tuyên xử:**

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lê Kim T và ông Trần Văn H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 82 ngày 14/8/2006 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện X, tỉnh S cấp cho ông Trần Văn H và bà Lê Kim T không còn giá trị pháp lý.

- Về nuôi con chung: Giao 02 người con chung Trần Vĩ K, sinh ngày 16/6/2001 và Trần Duy A, sinh ngày 26/12/2009 cho bà Lê Kim T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận việc bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Nếu lợi dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Kim T phải nộp án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0009171 ngày 09/01/2019 của Chi cục T hành án dân sự Quận M. Bà T đã nộp đủ án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
- TAND TPHCM
- Chi cục THADS Q.9
- VKSND Q.9;
- UBND xã Thạnh Phú, H.Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tăng Thị Nguyệt